

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HS - ST
Ngày: 09 - 01- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- *Tthành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên toà:* Ông **Nguyễn A Đam**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: **Bùi Hữu Khánh**

Ông: **Nguyễn Văn Mầm**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Lương Văn Khải** – Thư ký Toà án nhân dân huyện C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà:*

Bà: **Nguyễn Thị Hằng Mơ** - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2017/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2017/HSST-QĐ ngày 18/12/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn H** – sinh năm 1980; tại ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau;

Nơi cư trú: Ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: làm Thuê; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con của ông: Trần Văn M – sinh năm 1952; Con của bà: Trần Thị T – sinh năm 1957; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; cấm đi khỏi nơi cư trú ngày: 16/10/2017.

* *Bị hại:* Bà **Huỳnh Thị T** – sinh năm 1978 (Đã chết).

* *Người đại diện hợp pháp cho bị hại:*

Trần Văn S, sinh năm 1955 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh **Trần Văn C** – sinh năm 1998 (Có mặt)

Cư trú tại: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 03 tháng 7 năm 2017 Trần Văn H để xe mô tô hiệu Wave RSX biển số kiểm soát 69E1-255.49 dung tích xi lanh 109,1 cm³; số máy JA31E0391804; số khung 3129EY065795 do H đứng tên chủ sở hữu đang để tại nhà ở ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau và đi đám ở nhà người quen bằng phương tiện khác. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 05 tháng 7 năm 2017, Trần Văn C là em ruột của H gọi điện thoại di động số 0942.204.772 gọi đến số điện thoại của H là 01236.797.144 gặp H hỏi mượn xe mô tô 69E1-255.49 để đi làm tại Công ty Đ ở ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau thì được H đồng ý. H nói “Nếu lấy xe đi làm thì lấy đi, xe đậu ở nhà đó”. Sau đó C điều khiển xe mô tô trên đến Công ty Đ để làm. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì tan ca, C điều khiển xe mô tô biển số 69E1-255.49 chở Nguyễn Văn N đi về nhà, khi đi được khoảng 300 mét thì đụng vào phía sau xe đạp do bà Huỳnh Thị T đang điều khiển phía trước cùng chiều với C làm cho bà T bị thương nặng được đưa đến Bệnh viện cấp cứu. Đến ngày 11 tháng 7 năm 2017 bà Huỳnh Thị T tử vong tại Bệnh viện Cà Mau.

Tại phiên tòa Trần Văn H khai nhận: Vì là anh em ruột sống chung gia đình nên H biết rất rõ Trần Văn C chưa có giấy phép lái xe mô tô theo quy định của pháp luật, nhưng vì C là lao động chính trong gia đình và không có phương tiện để đi làm, không đi nhờ xe của bạn được nên khi C gọi điện hỏi mượn xe mô tô 69E1.255.49 thì H liền đồng ý cho C mượn xe. Bị cáo Trần Văn H biết rõ hành vi giao xe một ô biển số 69E1-255.49 có dung tích xi lanh 109,1 cm³ cho Trần Văn C điều khiển là vi phạm pháp luật bởi đối với loại xe này người điều khiển phải có giấy phép lái xe hạng A1 theo định của pháp luật, nhưng do là anh em ruột trong nhà mà không có phương tiện đi làm nên mới đồng ý cho mượn, ngoài lần cho mượn gây tai nạn thì bị cáo còn cho C mượn xe nhiều lần khác nhưng không có gây tai nạn cho ai.

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại Huỳnh Thị T ông Trần Văn S trình bày tại phiên tòa: Gia đình Trần Văn C là người gây tai nạn cho Huỳnh Thị T đã thỏa thuận bồi thường chi phí mai táng và các chi phí khác cho gia đình nạn nhân Huỳnh Thị T số tiền 55.000.000 đồng, gia đình nạn nhân đã nhận đủ, không yêu cầu bồi thường gì thêm đối với bị cáo Trần Văn H, và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn C cho rằng; Lời trình bày của bị cáo Trần Văn H trình bày trước phiên tòa là đúng, cụ thể: khoảng 07 giờ 30 phút ngày 05 tháng 7 năm 2017 Trần Văn C là em ruột của H gọi điện thoại di động số 0942.204.772 gọi đến số điện thoại của H là 01236.797.144 gặp H hỏi mượn xe mô tô 69E1-255.49 để đi làm tại Công ty Đ ở ấp Lộ Xe, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau thì được H đồng ý, H nói “Nếu lấy xe đi làm thì lấy đi, xe đậu ở nhà đó” đến khoảng 21 giờ cùng ngày khi tan ca làm về C chở N đụng vào phía sau xe đạp của chị Huỳnh Thị T dẫn đến chị T tử vong. C thừa nh khi H giao xe mô tô hiệu Wave

RSX biển số kiểm soát 69E1-255.49 dung tích xi lanh 109,1 cm³ C chưa có giấy phép lái xe hạng A1.

Bản cáo trạng số: 49/KSĐT– TA ngày 27 tháng 11 năm 2017 của VKSND huyện C đã truy tố Trần Văn H về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 205 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C cho rằng: Trần Văn H biết rõ Trần Văn C không có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 nhưng lại giao xe mô tô hiệu Wave RSX biển số kiểm soát 69E1-255.49 dung tích xi lanh 109,1 cm³ cho Trần Văn C điều khiển là vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 59 Luật giao thông đường bộ năm 2008, qua xác minh thực tế C không có giấy phép lái xe hạng A1 thuộc hành vi bị nghiêm cấm tại khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 205, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Wave RSX biển số kiểm soát 69E1-255.49 dung tích xi lanh 109,1 cm³ đã trả cho bị cáo Trần Văn H, hiện bị cáo Trần Văn H không có yêu cầu gì đối với Trần Văn C nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bị cáo Trần Văn H nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án; Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bởi hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Trần Văn H là anh ruột, ở cùng nhà với Trần Văn C nên biết rõ C không có giấy phép lái xe hạng A1 nhưng cho C mượn xe và điều khiển gây tai nạn dẫn đến chị Huỳnh Thị T tử vong, cụ thể: khoảng 07 giờ 30 phút ngày 05/7/2017 Trần Văn C dùng điện thoại di động số 0942.204.772 gọi đến số điện thoại của H là 01236.797.144 để mượn xe mô tô hiệu Wave RSX biển số kiểm soát 69E1-255.49 dung tích xi lanh 109,1 cm³; số máy JA31E0391804; số khung 3129EY065795 do H đứng tên chủ sở hữu và được H đồng ý; Khoảng khoảng 21 giờ cùng ngày khi tan ca làm về C chở N đựng vào phía sau xe đạp của chị Huỳnh Thị T dẫn đến chị T tử vong; Hành vi của bị cáo Trần Văn H giao xe trên 50 cm³ cho Trần Văn C điều khiển khi biết rất rõ Trần Văn C chưa có giấy phép lái xe hạng A1 vi phạm quy định tại điểm a

khoản 2 Điều 59 Luật giao thông đường bộ năm 2008, qua xác minh thực tế C không có giấy phép lái xe hạng A1 thuộc hành vi bị nghiêm cấm tại khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008. Tại phiên tòa lời khai của bị cáo Trần Văn H phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn C, phù hợp với hiện trường vụ án, biên bản khám nghiệm phương tiện và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Do đó, hành vi của bị cáo Trần Văn H đã phạm vào tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 205 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức bình thường, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, bị cáo đã xâm phạm đến sự an toàn và trật tự công cộng trong lĩnh vực giao thông đường bộ và gây ra hậu quả nghiêm trọng là tước đi mạng sống của nạn nhân Huỳnh Thị T không gì bù đắp được, gây đau thương mất mát cho gia đình và người thân của nạn nhân. Hành vi của bị cáo không chỉ vi phạm pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương; gây tâm lý lo âu cho người dân trong việc tham gia giao thông. Đặc biệt tình hình gây mất trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh cả Mau nói chung, huyện C nói riêng đang diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng, gây bức xúc trong nhân dân và được chính quyền địa phương đặc biệt quan tâm trong thời gian qua.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, gia đình bị cáo có sổ hộ nghèo, bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, đại diện hợp pháp người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có góp phần bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ích nghiêm trọng; có địa chỉ cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[5] Về Điều luật áp dụng Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn H xảy ra vào ngày 05/7/2017, nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Trần Văn H phạm tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 205 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên đến ngày xét xử sơ thẩm 09/01/2018 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017 có hiệu lực pháp luật, theo hướng dẫn tại nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 thì áp dụng điều luật tương ứng, quy định hình phạt nhẹ hơn có lợi cho bị cáo. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” được quy định tại khoản 1 Điều 264 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017 sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng thay cho khoản 1 Điều 205 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 mà Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo; đối với điều luật quy định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì tại Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ

sung năm 2009 áp dụng có lợi cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng. Về mức hình phạt, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là phù hợp nên chấp nhận. Do bị cáo và gia đình bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là hộ nghèo tại địa phương, bị cáo là lao động chính nuôi gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo để sung công quỹ Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án bao gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave RSX biển số kiểm soát 69E1-255.49 dung tích xi lanh 109,1 cm³ đã trả cho bị cáo Trần Văn H, hiện bị cáo Trần Văn H không có yêu cầu gì đối với Trần Văn C nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp người bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Bị cáo Trần Văn H có đóng góp tiền bồi hoàn cho gia đình người bị hại, nhưng do đang sống chung gia đình, bị cáo H tự nguyện bồi thường nên không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với hành vi của Trần Văn C đã được Tòa án nhân dân huyện C xét xử về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” tại bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2017/HSST ngày 28/12/2017 nên trong vụ án này Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Văn H** phạm tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 264 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn H**, 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Văn H cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000 đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C khi án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo, đại diện hợp pháp người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Cơ quan điều tra Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã H, huyện C;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn A Đam

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

C, ngày 31 tháng 10 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Nhủ Khuyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Hành**

Nơi công tác: Cán bộ hưu trí huyện C

Ông **Nguyễn Quốc Trung**

Nơi công tác: Phòng nông nghiệp huyện C

Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vào ngày 31 tháng 10 năm 2017 tại khu vực nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự bị cáo Lâm Văn Xuân.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh: **Tuyên bố:** Bị cáo **Lâm Văn Xuân** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về **Điều luật áp dụng:**

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Áp dụng: Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về mức hình phạt: Bị cáo Lâm Văn Xuân 01 năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2017.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về các vấn đề khác:

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C khi án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hành

Nguyễn Quốc Trung

Trần Nhữ Khuyên